

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt

2. Ông Lê Văn Dài

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024; về việc “Tranh chấp hôn nhân và Gia đình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80A/2024/QĐXXST- DSST ngày 22 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐST ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị P** 1993

Địa chỉ nơi cư trú: 117, Lô U, cư xá T, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 1113, tầng A Tòa S101, khu dân cư và viên chức Psố 512 N, Tổ A, KP L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc S** 1989

Địa chỉ : ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Chị T1 mặt, anh **D** lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị **Đinh Thị P1** trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị TĐ1 quen biết tìm hiểu và tổ chức đám cưới. Sau đó đăng ký kết hôn tại U, thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/4/2016. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Trong thời gian chị T3 anh Đ2 sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị **Đinh Thị P2** ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc S1**

- *Về con chung:* Chị **Đinh Thị P4** anh **Nguyễn Ngọc S2** con chung họ và tên **Nguyễn Ngọc P3** sinh ngày 28/7/2016. Chị **Đinh Thị P4** được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn N P3** ngày 28/7/2016. Chị T6 yêu cầu anh Đ1 nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh **Nguyễn Ngọc S1**:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Nguyễn Ngọc S3 vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80A/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/QĐST – DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, vụ án được xét xử vào lúc 15 giờ 00 ngày 28 tháng 6 năm 2024 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Ngọc S3 là phù hợp.

[2] Về nội dung: Giữa chị **T1** chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2016. Việc kết hôn giữa chị T và anh Đ là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T, anh Đ chung sống hạnh phúc và đến cuối năm 2020 ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay anh, chị không hàn gắn tình cảm sống chung lại với nhau được.

Xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới hạnh phúc. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, vì tình cảm không còn không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Đ là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị Đinh Thị PT4 anh **Nguyễn Ngọc S2** con chung họ và tên **Nguyễn Ngọc P3** sinh ngày 28/7/2016 đang chung sống với chị T8Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu, xét điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Cháu V, cũng có nguyện vọng chung sống với chị T3vậy giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Đ có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Đinh Thị P5** chị và anh Nguyễn Ngọc S4 không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị T, anh Đ có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Đinh Thị P1** với anh Nguyễn Ngọc S3.

2. **Về con chung:** Giao cháu **Nguyễn Ngọc P3** sinh ngày 28/7/2016 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Đ có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Đ việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0006302 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh